

## NGỮ ÂM TIẾNG KRI PHOỌNG Ở VIỆT NAM<sup>1</sup>

TA QUANG TÙNG<sup>2</sup>

**Abstract:** The Kri Phoọng language of Vietnam belongs to the Viet (Vietic) subgroup of the Mon-Khmer branch within the Austroasiatic language family. Its phonological template may be represented as  $C_1VC_2C_3VC_4+T$ . The tonal system of Kri Phoọng comprises five tones: in sonorant-final syllables: [44], [25ʔ], [52ʔ]; and in non-sonorant-final syllables: [13], [35]. With respect to onset and rhyme structure, the language exhibits the following initial consonants: /p; t; t̚; k; k̚; ʔ; p<sup>h</sup>; t<sup>h</sup>; k<sup>h</sup>; b; d; s; ʃ; h; v; z; z̥; m; n; ɲ; ŋ; l; r/. Consonant clusters in the onset include a second element drawn from /l/, /w/, or /r/. In the main syllable, the nuclear vowel inventory comprises the monophthongs /i, iː; u, uː; e, eː; ɤ, ɤː; o, oː; ɛ, ɛː; a, aː; ɔ, ɔː/ and the three diphthongs /ix, ux, uɤ/. The coda inventory includes /p; t; c; k; m; n; ɲ; ŋ; w; l; j; h; r/, with a single complex coda /jh/ attested in the language. Within the broader typological evolution observed among Southeast Asian languages and the Vietic subgroup in particular, Kri Phoọng preserves a relatively archaic phonological profile, exhibiting characteristics intermediate between “old” and “middle” typological stages of isolating languages, the coexistence of sesquisyllabicity and tonal distinctions. The findings in this study are intended to contribute to the preservation of this language.

**Keywords:** Vietic, Chứt, Kri Phoọng, phonetic, isolating typology.

### 1. Mở đầu

Theo cách phân loại cội nguồn phổ biến hiện nay, ngôn ngữ của dân tộc Chứt bao gồm tiếng Sách, Mày, Rục, Mã Liềng, A Rem và Kri Phoọng đều thuộc nhóm Việt (*Vietic*), chi Môn - Khơ Me (*Mon - Khmer*) của ngữ hệ Nam Á (*Austroasiatic*). Các ngôn ngữ ở Việt Nam rất gần với các ngôn ngữ Chứt (cùng thuộc nhánh Việt, chi Môn - Khơ Me của ngữ hệ Nam Á) là: Việt, Mường, Nguồn, Thổ, Đan Lai, Cuối...[4]

Ở Việt Nam, người Kri Phoọng tại bản Giàng có khoảng trên 50 người, chỉ có vài hộ. Khu vực cư trú hiện nay của họ nằm ở thung lũng Cờ-rờ thuộc vùng biên giới Việt Lào, tại bản Giàng và bản Giàng 2 xã Hương Xuân - Hà Tĩnh, cách đường biên giới chừng 8 km về phía đông. Ở Lào, họ có khoảng trên dưới 200 người. Tại tỉnh Khăm Muộn (Lào), người Kri Phoọng sống ở các bản Pư, bản Toong, bản Pụng và bản Thụng (xã Tong, huyện Na Cai). Ngoài ra, còn có một số ít người Kri Phoọng sống xen kẽ với các tộc người Saek (ở bản Tong), người Khạ Phôn Xúng (*Kha Phonsoung*) ở các bản Ma Ca 1, Ma Ca 2 và Ma Ca 3; với người Sô ở bản Xọc (đều thuộc xã Tong), bản Huồi Xài, Chạng Vạng (thuộc xã Tha Phe Bản), bản Na Mòi, Na Mèo (thuộc xã Na Mèo, huyện Na Cai).

Ngôn ngữ và các đặc điểm văn hoá truyền thống khác của người Kri Phoọng ở Việt Nam cho đến nay chưa được nghiên cứu kĩ. Điều này có thể là do đây là cộng đồng có số dân không lớn, dễ bị “hoà lẫn” vào các nhóm khác trong dân tộc Chứt. Cũng có thể là do các nhà khoa học chưa thấy được ý nghĩa của việc tìm hiểu tiếng mẹ đẻ của cộng đồng này về phương diện loại hình học và phân loại cội nguồn, cũng như về mặt thực tiễn.

Bài viết được thực hiện với mục đích miêu tả hệ thống ngữ âm tiếng Kri Phoọng bản Giàng (trước

<sup>1</sup> Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2025 “Ngữ âm tiếng Kri Phoọng ở bản Giàng, xã Hương Lâm, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh”, Viện Ngôn ngữ học là tổ chức chủ trì.

<sup>2</sup> Viện Ngôn ngữ học; Email: quangtung7391@gmail.com

đây thuộc xã Hương Lâm, huyện Hương Khê, nay là xã Hương Xuân - Hà Tĩnh), ở Việt Nam. Bản Giàng thuộc vùng biên giới, cách biên giới Việt Lào chừng 8 km.

Nội dung bài viết: 1) từ âm vị học, âm tiết và thanh điệu tiếng Kri Phoọng; 2) âm đầu và vần tiếng Kri Phoọng; 3) những ý kiến thảo luận.

## 2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Cho đến nay, chỉ có rất ít thông tin về tiếng Kri Phoọng ở Việt Nam.

Tiếng Kri Phoọng tại Việt Nam chưa được nghiên cứu nhiều. Tuy nhiên, tiếng Kri Phoọng ở Lào đã bước đầu được nghiên cứu qua các bài viết *Phonology and sketch grammar of Kri, a Vietic languages of Laos* [6]; *Introducing Kariè, a Vietic languages of Laos* [5], cùng của hai tác giả N.J. Enfield và Gerard Diffloth.

Tại Việt Nam, các công trình nghiên cứu tiếng Kri Phoọng rất ít. Tháng 11/1978, tác giả Đoàn Văn Phúc thực hiện một khảo sát và hoàn thành một khoá luận tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ học ở Khoa Ngữ Văn - Đại học Tổng hợp Hà Nội với tên là: “Bước đầu khảo sát tiếng Kri Phoọng ở Tây nam Nghệ Tĩnh để góp phần soi sáng vấn đề lịch sử tiếng Việt” [3]. Từ đây, một số ít nhà ngôn ngữ học ở Việt Nam mới biết tới nhóm người Kri Phoọng (*Kri Phoọng*) ở Việt Nam dưới những tên gọi khác nhau vào thời điểm đó: *Kri Phoóng, Cọi, Kri Phoọng, Kri Phọng, Cọi Giàng, Mã Liêng,...*

Năm 2022, trong chuyên khảo *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Một số vấn đề về xác định thành phần, tên gọi và cách viết tên ngôn ngữ trong mối quan hệ với dân tộc*, nhóm tác giả Nguyễn Hữu Hoành, Phan Lương Hùng, Bùi Thị Ngọc Anh đã chỉ ra những tương đồng từ vựng và những cách tân ngữ âm, tìm hiểu ý thức tự giác dân tộc và tự giác ngôn ngữ, đã đi đến nhận định: “trong các cư dân thuộc dân tộc Chứt, tiếng nói của nhóm Mã Liêng, nhóm Kri Phoóng cần được xem là những ngôn ngữ riêng” [1].

Gần đây nhất, năm 2024, các tác giả Nguyễn Hữu Hoành, Vũ Thị Hải Hà công bố bài viết *Hệ thống thanh điệu tiếng Kri Phoọng ở Việt Nam (Kri Phoọng tonal system in Vietnam)* [1]. Bài viết này đã mô tả hệ thống thanh điệu của Kri Phoọng ở xã Hương Vĩnh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh [7].

Một số tài liệu khác nhưng có nghiên cứu các ngôn ngữ khác gần với Kri Phoọng, cùng thuộc nhánh Việt (*Vietic*), có thể được sử dụng để tham khảo: *A Grammar of May: An Austroasiatic Language of Vietnam* của Babaev Kirill và Samarina Irina năm 2021 [8]; *Tiếng Rục* của Nguyễn Văn Lợi năm 1983 [2]; *Le maleng brô et le vietnamien* của Michel Ferlus năm 1997 [12]; các bài viết: *The role of pitch in registrogenesis and tonogenesis of Vietic languages: new evidence from Rục and Arem* xuất bản năm 2021 [9]; *Perception of tone and register in Rục language* xuất bản năm 2022 [10], luận án *Register and tone developments in Vietic languages* bảo vệ năm 2023 [11] cùng của tác giả Tạ Thành Tấn.

## 3. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

### 3.1. Tư liệu nghiên cứu

Bảng 4.000 từ ngữ tiếng Kri Phoọng đã được thu thập tại bản Giàng (xã Hương Xuân - Hà Tĩnh). Các cộng tác viên:

- 1) Hồ Thị Mai, sinh năm 1977, nơi sinh: xã Hương Xuân - Hà Tĩnh
- 2) Hồ Xuân Nam, sinh năm 1976, nơi sinh: xã Hương Xuân - Hà Tĩnh.

### 3.2. Phương pháp nghiên cứu

a. *Phương pháp thực nghiệm khí cụ (experimental - instrumental)*: ghi nhận và phân tích các thông số âm học của âm đầu, vần và thanh điệu Kri Phoọng bằng các chương trình phân tích tiếng nói chuyên biệt Praat, *Speech Analyser*.

b. *Phương pháp miêu tả*: trình bày những đặc tính của các đặc điểm ngữ âm - âm vị học (với

những minh chứng và lập luận) Kri Phoọng về mặt đồng đại, trên cơ sở cảm nhận thính giác kết hợp với thực nghiệm khí cụ.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Hệ thống ngữ âm

###### 4.1.1. Từ âm vị học, âm tiết

Từ âm vị học (*phonological word*) của tiếng Kri Phoọng có hai dạng: **đơn tiết** và **đa tiết**.

**Từ đơn tiết** chỉ gồm một âm tiết một “tiếng”. Ví dụ:

/ŋa:j<sup>44</sup>/(ngườ*i*); /muh<sup>25?</sup>/(mũ*i*); /ka:ŋ<sup>25?</sup>/(miệng); /ʔo:ŋ<sup>25?</sup>/(ó*c*); /lɔm<sup>52?</sup>/(gan); /puŋ<sup>52?</sup>/(thai),...

**Từ đa tiết** gồm một âm tiết đứng trước, gọi là “tiền âm tiết” hoặc còn được gọi là “âm tiết phụ” và một âm tiết đứng sau, gọi là “âm tiết chính” hoặc “âm tiết mạnh”. Ví dụ:

/kacet<sup>35</sup> samut<sup>35</sup>/(chết h*ư*t); /kaluŋ<sup>25?</sup>/(béo); /sakeh<sup>44</sup>/(mê*t* m*ỏ*i); /talɔ<sup>44</sup>/(chộ*t*); /tabɤ<sup>25?</sup>/(cả*m* l*ạ*nh); /ʔula:k<sup>13</sup>/(hắ*t* l*à*o); /lo:<sup>44</sup> mađu:<sup>25?</sup>/(đ*i* ú*ng*); /samut<sup>35</sup>/(ngắ*t*); /ʔusuk<sup>35</sup>/(lông); /karɔŋ<sup>25?</sup>/(thực qu*ả*n); /kapil<sup>44</sup>/(gân); /k<sup>h</sup>apuh<sup>44</sup>/(đò*m*); /pale<sup>25?</sup> kahek<sup>35</sup>/(bắ*p* th*ị*t); /kata:l<sup>44</sup>/(d*á*i, t*ì*nh hoà*n*); /kara<sup>25?</sup>/(già),...

Xét về mặt cấu tạo, âm tiết chính và âm tiết phụ trong từ đa tiết cũng có một số điểm khác biệt. Âm tiết chính có cấu trúc phức tạp hơn tiền âm tiết, đồng thời các loại âm (*nguyên âm* và *phụ âm*) tham gia cấu tạo nên âm tiết chính cũng đa dạng hơn (là tất cả các âm có trong hệ thống).

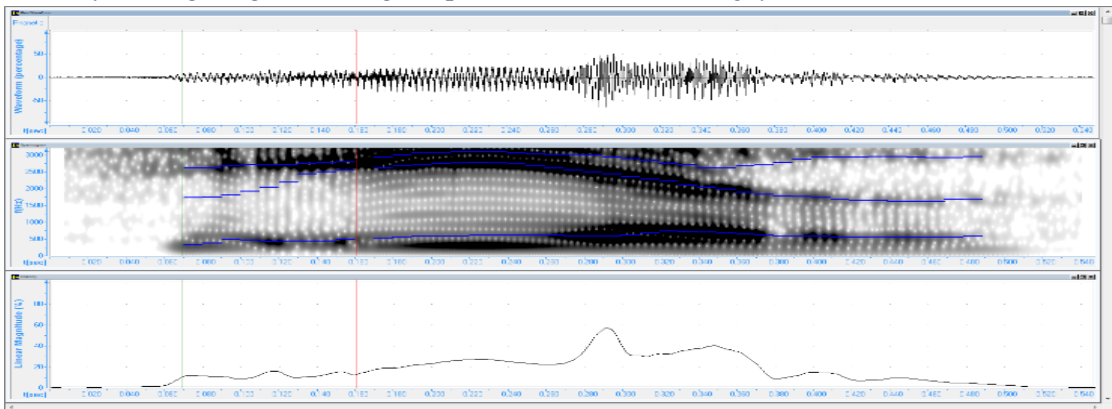
Âm tiết phụ chỉ có dạng gồm một phụ âm + một nguyên âm (không có phụ âm cuối), được phát âm lướt qua, phát âm yếu, không được nhấn mạnh. Trong âm tiết phụ, không có thanh điệu; chỉ có một loại âm tiết (mở); nguyên âm không có đối lập về trường độ.

Âm tiết chính là âm tiết mang trọng âm, có cấu trúc phức tạp, đồng thời các loại âm (*nguyên âm* và *phụ âm*) tham gia cấu tạo nên âm tiết chính cũng đa dạng hơn (là tất cả các âm có trong hệ thống).

Mô hình từ đa tiết: **ÂTP + ÂTC**

Trong đó: ÂTP: âm tiết phụ (tiền âm tiết); ÂTC: âm tiết chính

Dưới đây là dạng sóng âm, cường độ, phổ đồ của từ [kadɔt<sup>13</sup>] (gá*y*)



Hình 1. Dạng sóng âm, cường độ, phổ đồ của từ [kadɔt<sup>13</sup>] (gá*y*)

Về phương diện ngữ âm học âm học, tính chất lướt của âm tiết phụ là một đặc trưng đáng lưu ý. Trong từ [kadɔt<sup>13</sup>] (gá*y*), âm tiết phụ [ka] có trường độ 112 ms, âm tiết chính [dɔt] trường độ 349 ms.

Âm tiết phụ tiếng Kri Phoọng có cấu trúc C<sub>1</sub>V, trong đó C<sub>1</sub> là các phụ âm /p<sup>h</sup>, k<sup>h</sup>, p, t, c, k, ʔ, m, h, ŋ/; v là các nguyên âm /u, a, ɤ, o, u/. Trong nhiều trường hợp, âm tiết phụ có hai biến thể: một biến thể giữ nguyên, một biến thể trong đó âm tiết phụ bị phát âm lướt đi, hoặc nguyên âm trong tiền âm tiết

chuyển biến thành một âm duy nhất là /ɾ/. Thậm chí, trong cách phát âm cá nhân cả âm tiết phụ bị phát âm lướt đi, chỉ còn lại âm tiết chính. Khi đó, từ đa tiết được hoá thành đơn tiết.

Âm tiết chính tiếng Kri Phọng được cấu tạo với các thành phần chính: **âm đầu (ÂĐ) + vần + thanh điệu (T)**. Âm đầu có hai dạng: là một phụ âm (C<sub>2</sub>), hoặc tổ hợp phụ âm (C<sub>2</sub> + C<sub>3</sub>):

**Dạng 1:** **ÂĐ** = C<sub>2</sub>, đây là dạng âm đầu đơn - một phụ âm.

**Dạng 2:** **ÂĐ** = C<sub>2</sub> + C<sub>3</sub>, đây là dạng âm đầu phức - tổ hợp phụ âm.

Vần cũng có hai dạng: là một nguyên âm (nguyên âm đơn, nguyên âm đôi), hoặc kết hợp nguyên âm và âm cuối:

**Dạng 1 (dạng vần đơn):** vần = V.

**Dạng 2 (dạng vần phức):** vần = V + C<sub>4</sub>.

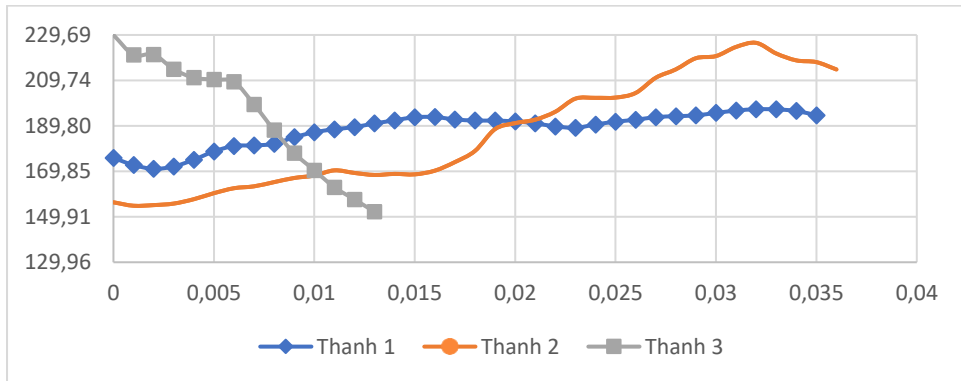
Tổng hợp lại, mô hình từ âm vị học lí tưởng tiếng Kri Phọng như sau: **C<sub>1</sub>vC<sub>2</sub>C<sub>3</sub>VC<sub>4</sub> + T**

Ví dụ: /kacet<sup>35</sup> samut<sup>35</sup>/(chết hụt); /kaluŋ<sup>25?</sup>/(béo); /sakeh<sup>44</sup>/(mệt mỏi); /talɔ<sup>44</sup>/(chột); /taβɾ<sup>25?</sup>/(cảm lạnh); /ʔula:k<sup>13</sup>/(hắc lào); /lo:<sup>44</sup> mađu:<sup>25?</sup>/(dị ứng); /samut<sup>35</sup>/(ngắt); /ʔusuk<sup>35</sup>/(lông); /karɔŋ<sup>25?</sup>/(thực quán); /kajil<sup>44</sup>/(gân); /k<sup>h</sup>aŋuuh<sup>44</sup>/(đờm); /pale<sup>25?</sup> kahek<sup>35</sup>/(bắp thịt); /kata:l<sup>44</sup>/(dái, tinh hoàn); /kara<sup>25?</sup>/(già),...

#### 4.1.2. Thanh điệu

##### Đường nét:

Theo phân tích bằng phần mềm Praat, trong các âm tiết kết thúc vang, ghi nhận được 3 thanh:



Hình 1. Hệ thanh điệu tiếng Kri Phọng trong âm tiết kết thúc vang

**Thanh 1, ngang - cao:** biên độ dao động trong khoảng từ 170,97 Hz đến 197,10 Hz. Xuất phát ở bậc 3 - bậc trung bình, đường nét diễn tiến tương đối ổn định và kết thúc ở mức 194,45 Hz. Tổng thể đường nét diễn tiến trong khoảng 3 và 4 trong đó khoảng 4 là chủ đạo. Kí hiệu (căn cứ vào điểm kết thúc của đường nét): [44]. Ví dụ:

/klo:ŋ<sup>44</sup>/(trong); /ŋa:j<sup>44</sup>/(người); /kɿsa:ŋ<sup>44</sup>/(răng); /tukul<sup>44</sup>/(đầu gối); /kusa:m<sup>44</sup>/(móng),...

**Thanh 2, lên - cao:** biên độ dao động trong khoảng từ 154,75 Hz đến 226,23 Hz. Xuất phát ở bậc 2 - hơi thấp, đường nét đi lên và dừng lại ở mức 5 - mức cao nhất: 214,56 Hz. Ở cuối chu trình phát âm, có hiện tượng tắc thanh môn. Kí hiệu: [25?]. Ví dụ:

/kil<sup>25?</sup>/(lưng); /kɿj<sup>25?</sup>/(tóc); /swa:j<sup>25?</sup>/(khoáy); /ʔɔ:ŋ<sup>25?</sup>/(óc); /plɔ:ŋ<sup>25?</sup>/(xương ống),...

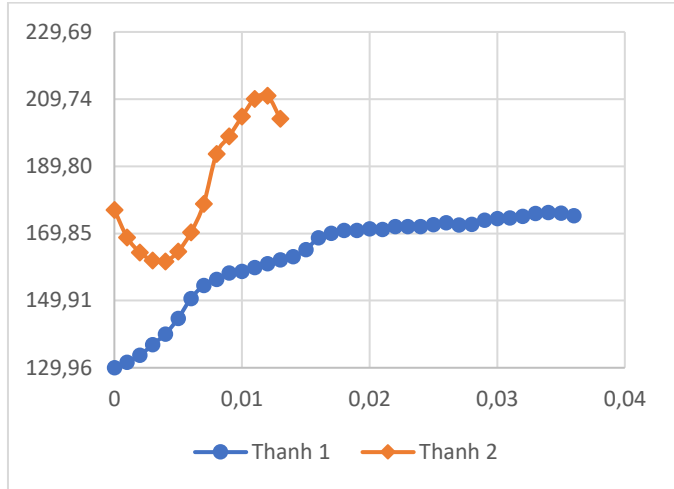
**Thanh 3, xuống - thấp:** biên độ dao động trong khoảng từ 152,12 Hz đến 229,69 Hz. Xuất phát ở bậc 5 - bậc cao nhất, đường nét đi xuống và dừng lại ở mức 2, mức hơi thấp: 152,12 Hz. Ở cuối chu trình phát âm, có hiện tượng tắc thanh môn. Kí hiệu: [52?]. Ví dụ:

/p<sup>h</sup>on<sup>52?</sup>/(cao); /baw<sup>52?</sup>/(mạnh, khoẻ); /ci<sup>h</sup>52?/(mang tai); /rɛ:52?/(vét cắt, vét rạch),...

Theo phân tích bằng phần mềm Praat, **trong các âm tiết kết thúc không vang** (bằng phụ âm tắc, vô thanh: /p, t, c, k/), ghi nhận được 2 thanh:

**Thanh 1, lên - thấp:** biên độ dao động trong khoảng từ 129,96 Hz đến 176,08 Hz. Xuất phát ở bậc 1 - bậc thấp, đường nét diễn tiến đi lên tương đối ổn định và dừng lại kết thúc ở mức 175,15 Hz, bậc 3. Kí hiệu: [13]. Ví dụ: /puc<sup>13</sup>/(bệnh tả, dịch tả); /mut<sup>13</sup>/(dị ứng); /ka<sup>44</sup>het<sup>13</sup>/(thế giới); /pet<sup>13</sup>/(thổi lửa),...

**Thanh 2, lên - cao:** biên độ dao động trong khoảng từ 161,58 Hz đến 210,74 Hz. Xuất phát ở bậc 3 - bậc trung bình, đường nét diễn tiến đi lên đến mức 5. Kí hiệu: [35]. Trường độ của thanh 2 rất ngắn, chỉ 0,013 s. Ví dụ: /tak<sup>35</sup> ða:k<sup>35</sup>/(đun nước); /tu<sup>52?</sup> luk<sup>35</sup>/(mây); /ku<sup>52?</sup> nek<sup>35</sup>/(chuiet công),...



Hình 2. Hệ thanh điệu tiếng Kri Phọng trong âm tiết kết thúc không vang

Một số đối lập âm vị học:

/ða:k<sup>35</sup>/(nước) >> /ða:k<sup>13</sup>/(nhọc); /ŋa:j<sup>44</sup>/(người) >> /ŋa:j<sup>25?</sup>/(thè lưỡi) >> /ŋa:j<sup>52?</sup>/(thò ra),...

**Thanh điệu Kri Phọng qua các tiêu chí khu biệt:**

**Đường nét:** có thể phân biệt thành hai nhóm: nhóm thuộc đường nét “đi ngang” và nhóm thuộc đường nét “không đi ngang” (“đi xuống” hoặc “đi lên”). “Đi ngang”: gặp ở thanh [44]; “Không đi ngang” gặp ở thanh các thanh còn lại.

**Âm vực:** có thể phân biệt thành hai nhóm: nhóm thuộc âm vực “cao” và nhóm thuộc âm vực “thấp”. “Cao”: gặp ở các thanh: [44], [25?] và [35]; “Thấp”: gặp ở thanh các thanh: [52?] và [13].

**Chất giọng:** gồm chất giọng “thường” và chất giọng “tắc thanh môn”.

Chất giọng “thường”: dây thanh dao động điều hoà theo chu kì. Nhìn trên sóng âm, cường độ và sự biến đổi chất âm, F0 và phổ âm, diễn tiến lên đến đỉnh và đi xuống đều đặn; gặp ở thanh [44], [13], [35].

Chất giọng “tắc thanh môn”: là kết quả của hiện tượng hai dây thanh khép lại, dây thanh đột ngột dừng dao động, tạo nên hiện tượng nghẹn (tắc) luồng hơi; gặp ở thanh [25?], [52?].

Như vậy, hệ thống thanh điệu Kri Phọng được xác định qua các tiêu chí đường nét, âm vực và chất giọng. Sau đây là bảng kê các thanh điệu Kri Phọng: có 5 đơn vị (xét về mặt ngữ âm học):

Bảng 1. Hệ thống thanh điệu Kri Phọng

Bối cảnh ngữ âm		Các tiêu chí		Đường nét		Âm vực		Chất giọng	
		“Đi ngang”	“Không đi ngang”		Cao	Thấp	“Thường”	“Tắc thanh môn”	
			Lên	xuống					
Trong âm tiết kết thúc vang	Thanh 1[44]	+			+		+		
	Thanh 2 [25?]		+		+			+	
	Thanh 3[52?]			+		+		+	
Trong âm tiết kết thúc không vang	Thanh 1[13]		+			+	+		
	Thanh 2[35]		+		+		+		

4.2. Âm đầu và vần

4.2.1. Âm đầu

Trong tiếng Kri Phoọng có sự phân biệt giữa phụ âm đầu đơn và tổ hợp phụ âm. Các phụ âm đơn được phân biệt theo những tiêu chí: vị trí cấu âm và phương thức cấu âm.

Sau đây là các phụ âm đầu đơn:

/p/. Ví dụ: /kapa:ŋ<sup>44</sup> si<sup>44</sup>/(bàn tay); /tapel<sup>44</sup>/(đùi); /puj<sup>25?</sup>/(thân thể); /pa:t<sup>35</sup>/(sốt),...

/p<sup>h</sup>/. Ví dụ: /p<sup>h</sup>uŋ<sup>44</sup>/(dạ dày); /p<sup>h</sup>uŋk<sup>35</sup> đét<sup>35</sup>/(rôm); /p<sup>h</sup>on<sup>44</sup>/(đôi); /đak<sup>13</sup> p<sup>h</sup>ul<sup>25?</sup>/(nước phun),...

/t/. Ví dụ: /tɔŋ<sup>25?</sup>/(tim); /kata:l<sup>44</sup>/(dái, tinh hoàn),...

/t<sup>h</sup>/. Ví dụ: /pasit<sup>13</sup> thien<sup>25?</sup>/(tắt đèn); /saja:l<sup>25?</sup> t<sup>h</sup>uŋ<sup>44</sup> t<sup>h</sup>ɔŋ<sup>25?</sup>/(rắn cạp nông); /kat<sup>h</sup>ɔ<sup>25?</sup>/(gùi),...

/t̚/. Ví dụ: /tu<sup>25?</sup> t̚uŋ<sup>44</sup> t̚ɔ<sup>25?</sup>/(tò vò); /ta:p<sup>13</sup> patɔ<sup>25?</sup>/(sáp),...

/c/. Ví dụ: /ciŋ<sup>44</sup>/(chân); /kacɔ<sup>44</sup>/(ngực),...

/k/. Ví dụ: /ka:ŋ<sup>25?</sup>/(hàm); /kil<sup>44</sup>/(eo); /kik<sup>35</sup>/(phân); /sake<sup>25?</sup>/(nhọc),...

/k<sup>h</sup>/. Ví dụ: /ʔusuk<sup>35</sup> k<sup>h</sup>iw<sup>44</sup>/(lông mày); /k<sup>h</sup>uŋ<sup>25?</sup>/(thường xuyên); /k<sup>h</sup>e<sup>52?</sup>/(cá sấu); /k<sup>h</sup>a:m<sup>25?</sup>/(cây me),...

/ʔ/. Ví dụ: /ʔusuk<sup>35</sup>/(lông); /ʔɔŋ<sup>44</sup>/(óc); /ʔaŋu<sup>25?</sup> maleŋ<sup>25?</sup>/(đời người),...

/b/. Ví dụ: /tabɔ<sup>44</sup>/(thóp); /tabɔ<sup>25?</sup>/(cảm lạnh); /ba<sup>44</sup>/(mưa, nôn); /bup<sup>25?</sup>/(tro),...

/d/. Ví dụ: /kadɔt<sup>13</sup>/(gáy); /kadɔk<sup>13</sup>/(vòm miệng); /kadɔj<sup>25?</sup> ciŋ<sup>44</sup>/(ngón chân); /đak<sup>35</sup> muj<sup>44</sup>/(nước mũi),...

/m/. Ví dụ: /muj<sup>44</sup>/(mũi); /meŋ<sup>25?</sup>/(miệng); /tamup<sup>25?</sup> tuk<sup>35</sup>/(râu); /mam<sup>25?</sup>/(lá lách),...

/n/. Ví dụ: /panu<sup>25?</sup>/(vú); /num<sup>25?</sup>/(trẻ); /nɔm<sup>25?</sup>/(óm); /kɔ<sup>25?</sup> kanɔ<sup>25?</sup>/(ở nhà),...

/ŋ/. Ví dụ: /kapil<sup>44</sup>/(gân); /k<sup>h</sup>aŋu<sup>44</sup>/(đờm); /kaŋaw<sup>25?</sup>/(nhấn); /ʔaŋuk<sup>35</sup>/(nhức).

/ŋ/. Ví dụ: /ʔaŋa<sup>25?</sup>/(ngứa); /sila<sup>25?</sup> ŋuŋ<sup>25?</sup>/(lá ngón); /maŋɔŋ<sup>25?</sup>/(sương giọt),...

/s/. Ví dụ: /sa:j<sup>25?</sup>/(tai); /si<sup>44</sup>/(tay); /pasup<sup>25?</sup>/(rốn); /ʔusuk<sup>35</sup>/(lông); /soh<sup>44</sup>/(phôi),...

/ʃ/. Ví dụ: /tuc<sup>44</sup> ʃɔ<sup>44</sup>/(đốt rẫy); /ʃu<sup>25?</sup>/(trước); /ʃɔt<sup>13</sup>/(loài, loại); /ʃɔ<sup>44</sup>/(sữa),...

/h/. Ví dụ: /kahɔŋ<sup>25?</sup> muj<sup>44</sup>/(sống mũi); /ku:<sup>44</sup> ha:ŋ<sup>25?</sup>/(bẹn); /đá:k<sup>35</sup> p<sup>h</sup>ru<sup>25?</sup>/(mồ hôi),...

/v/. Ví dụ: /kavɔk<sup>35</sup>/(khoeo chân); /sava:k<sup>35</sup>/(nách); /savil<sup>25?</sup>/(khoáy); /sava<sup>52?</sup> sava:ŋ<sup>44</sup>/(sáng sữa),...

/z/. Ví dụ: /ka:ŋ<sup>25?</sup> zɔŋ<sup>25?</sup>/(cằm); /tul<sup>44</sup> zun<sup>25?</sup>/(trên cao); /zup<sup>13</sup> mane:<sup>25?</sup>/(con người),...

/z̚/. Ví dụ: /zɔŋ<sup>52?</sup>/(ruộng); /zu<sup>25?</sup> k<sup>h</sup>ɔk<sup>13</sup>/(hiếu),...

/l/. Ví dụ: /maleŋ<sup>25?</sup>/(người); /kalɔk<sup>13</sup>/(trán); /la:j<sup>44</sup>/(lưỡi); /lip<sup>25?</sup>/(lợi),...

/r/. Ví dụ: /rɔc<sup>44</sup>/(bụng); /karot<sup>44</sup>/(da); /carɔŋ<sup>25?</sup>/(sườn),...

Sau đây là bảng kê các phụ âm đầu đơn Kri Phoọng: có 23 đơn vị.

Bảng 2. Hệ thống phụ âm đầu đơn Kri Phoọng

Vị trí cấu âm			Môi	Đầu lưỡi	Cong lưỡi	Mặt lưỡi	Mặt lưỡi sau	Thanh hầu
Ồn	Tắc	Không bật hơi	<b>p</b>	<b>t</b>	<b>t̚</b>	<b>c</b>	<b>k</b>	<b>ʔ</b>
		Bật hơi	<b>p<sup>h</sup></b>	<b>t<sup>h</sup></b>			<b>k<sup>h</sup></b>	
	Xát	Hữu thanh	<b>b</b>	<b>d</b>				
		Vô thanh		<b>s</b>	<b>ʃ</b>			<b>h</b>
Vang	Mũi		<b>m</b>	<b>n</b>		<b>ɲ</b>	<b>ŋ</b>	
	Bên			<b>l</b>				
	Rung			<b>r</b>				

Một số đối lập âm vị học được tìm thấy:

/p/ >< /t/: /puj<sup>25ʔ</sup>/(thân thể) >< /tuj<sup>25ʔ</sup>/(mập); /pɔ<sup>25ʔ</sup>/(bò) >< /tɔ<sup>25ʔ</sup>/(nổi)

/t/ >< /tʰ/: /taŋ<sup>25ʔ</sup>/(khác) >< /tʰaŋ<sup>25ʔ</sup>/(sàng)

/p/ >< /c/: /pɔ<sup>25ʔ</sup>/(bò) >< /cɔ<sup>25ʔ</sup>/(xâu kim)

/c/ >< /k/: /cɔŋ<sup>25ʔ</sup>/(thuông to) >< /kɔŋ<sup>25ʔ</sup>/(mong)

/p/ >< /ʔ/: /puj<sup>25ʔ</sup>/(thân thể) >< /ʔuj<sup>25ʔ</sup>/(chăn)

/p/ >< /pʰ/: /pe<sup>44</sup>/(bê) >< /pʰe<sup>44</sup>/(khăn)

/t/ >< /tʰ/: /katɔ<sup>44</sup>/(nở (gà)) >< /katʰɔ<sup>44</sup>/(cái gùi)

/k/ >< /kʰ/: /kɔ<sup>25ʔ</sup>/(xây dựng) >< /kʰɔ<sup>25ʔ</sup>/(xin); /kɔŋ<sup>52ʔ</sup>/(chiêng) >< /kʰɔŋ<sup>44</sup>/(cốc đầu)

/p/ >< /b/: /pat<sup>35</sup>/(sốt) >< /bat<sup>35</sup>/(vết thương); /puŋ<sup>25ʔ</sup>/(củ) >< /buŋ<sup>25ʔ</sup>/(trũng)

/t/ >< /dʰ/: /tu<sup>35</sup>/(dưới) >< /dʰu<sup>35</sup>/(khuya); /tɔ<sup>25ʔ</sup>/(bàn) >< /dʰɔ<sup>25ʔ</sup>/(sào)

/t/ >< /s/: /tu<sup>44</sup>/(súc vật) >< /su<sup>44</sup>/(tổ, ổ)

/s/ >< /sʰ/: /su<sup>44</sup>/(tổ, ổ) >< /sʰu<sup>44</sup>/(nhộng)

/s/ >< /h/: /sɔŋ<sup>25ʔ</sup>/(chiếu sáng) >< /hɔŋ<sup>25ʔ</sup>/(dòng suối)

/v/ >< /z/: /savil<sup>25ʔ</sup>/(khoáy) >< /sazil<sup>25ʔ</sup>/(con ốc)

/s/ >< /z/: /sɔŋ<sup>25ʔ</sup>/(chiếu sáng) >< /zɔŋ<sup>52ʔ</sup>/(ruộng)

/m/ >< /n/: /mi<sup>44</sup>/(sắn) >< /ni<sup>25ʔ</sup>/(đây)

/ŋ/ >< /ŋ/: /ŋɔŋ<sup>25ʔ</sup>/(chuoít) >< /ŋɔŋ<sup>25ʔ</sup>/(nói lấp)

/r/ >< /l/: /karɔŋ<sup>25ʔ</sup>/(thực quản) >< /kalɔŋ<sup>25ʔ</sup>/(rét); /kara<sup>25ʔ</sup>/(già) >< /kala<sup>25ʔ</sup>/(tre),...

**Tổ hợp phụ âm:** gồm một yếu tố tắc hoặc sát kết hợp với yếu tố vang /l, r, w/.

Có khoảng trên 10 đơn vị: /pl, tl, kl, ʃr, pr, ml, pʰl, kr, kʰl, pʰr, kw, tw, ŋw,.../. Ví dụ:

/klok<sup>13</sup> nem<sup>25ʔ</sup>/(cạp váy); /kwa:ŋ<sup>44</sup>/(vươn); /kwa:t<sup>13</sup> samun<sup>25ʔ</sup>/(phui bụi); /swa:c<sup>25ʔ</sup> da:k<sup>13</sup>/(tát nước); /swɔ<sup>25ʔ</sup>/(tin); /hwa:j<sup>25ʔ</sup>/(tàn (hoa)); /plik<sup>13</sup> pʰɔŋ<sup>25ʔ</sup>/(ớt bột), /bru<sup>25ʔ</sup> kanɔn<sup>44</sup>/(rừng non)...

Một số đối lập:

/ʃr/ >< /b/: /bru<sup>25ʔ</sup> kanɔn<sup>44</sup>/(rừng non) >< /bu<sup>25ʔ</sup>/(chui)

/kw/ >< /k/: /kwa:ŋ<sup>25ʔ</sup>/(rộng) >< /ka:ŋ<sup>25ʔ</sup>/(hàm)

/hw/ >< /h/: /hwa:j<sup>25ʔ</sup>/(tàn (hoa)) >< /ha:j<sup>25ʔ</sup>/(hạt lúa)

/pl/ >< /p/: /plik<sup>13</sup> pʰɔŋ<sup>25ʔ</sup>/(ớt bột) >< /pik<sup>13</sup>/(đón, bắt),...

#### 4.2.2. Vần

##### 4.2.2.1. Âm chính

Trong tiếng Kri Phoọng có 21 nguyên âm giữ chức năng âm chính, trong đó có 18 nguyên âm đơn và 3 nguyên âm đôi.

**Các nguyên âm đơn** được phân biệt theo những tiêu chí:

**Cách nhích lưỡi** về phía trước hay phía sau trong khoang miệng: Theo tiêu chí này, các nguyên âm đơn được phân biệt thành 3 loại: loại “trước”, “giữa” và loại “sau”.

**Độ mở của miệng** (hay độ nâng của lưỡi): Theo tiêu chí này, các nguyên âm được phân biệt thành 3 mức độ: hẹp, trung bình và rộng.

Trong tiếng Kri Phoọng có sự đối lập về trường độ của nguyên âm (*Ghi chú*: Để thể hiện tiêu chí này, xin dùng dấu “:” kí hiệu biểu thị nguyên âm có trường độ dài, không có dấu là nguyên âm trường độ ngắn).

Sau đây là các nguyên âm đơn:

/i/. Ví dụ: /liŋ<sup>25ʔ</sup>/ (*lợi*); /si:<sup>44</sup>/ (*tay*); /ciŋ<sup>44</sup>/ (*chân*),...

/e/. Ví dụ: /tapel<sup>44</sup>/ (*đùi*); /ðak<sup>35</sup> te:<sup>25ʔ</sup>/ (*nước tiểu*); /kacet<sup>35</sup>/ (*chết*),...

/ɛ/. Ví dụ: /meŋ<sup>25ʔ</sup>/ (*miệng*); /kuce:<sup>25ʔ</sup>/ (*âm hộ*); /sakeh<sup>44</sup>/ (*mệt mỏi*),...

/u/. Ví dụ: /kaduk<sup>13</sup>/ (*vòm miệng*); /k<sup>h</sup>aŋu<sup>h</sup><sup>44</sup>/ (*đờm*); /ʔaŋu<sup>h</sup><sup>35</sup>/ (*nhức*),...

/ɤ/. Ví dụ: /kalɤk<sup>13</sup>/ (*trán*); /kacɤ:<sup>44</sup>/ (*ngực*); /kɤj<sup>25ʔ</sup>/ (*tóc*),...

/a/. Ví dụ: /ka:<sup>ŋ</sup><sup>25ʔ</sup>/ (*hàm*); /sa:<sup>j</sup><sup>25ʔ</sup>/ (*tai*); /la:<sup>j</sup><sup>44</sup>/ (*lưỡi*); /sava:k<sup>35</sup>/ (*nách*),...

/u/. Ví dụ: /muj<sup>44</sup>/ (*mũi*); /panu<sup>25ʔ</sup>/ (*thân thể*); /pasuŋ<sup>25ʔ</sup>/ (*rốn*),...

/o/. Ví dụ: /pop<sup>35</sup>/ (*má*); /karɔŋ<sup>44</sup> soh<sup>44</sup>/ (*cổ họng*),...

/ɔ/. Ví dụ: /tabɔ:<sup>44</sup>/ (*thóp*); /katɔŋ<sup>25ʔ</sup>/ (*cổ*); /katɔŋ<sup>25ʔ</sup> ciŋ<sup>44</sup>/ (*cổ chân*),...

Tất cả các nguyên âm đơn trong tiếng Kri Phoọng (ở âm tiết chính) đều tham gia vào đối lập theo trường độ: ngắn và dài. Một số đối lập âm vị học:

taliŋ<sup>25ʔ</sup> (*nuốt*) <> tali:<sup>ŋ</sup><sup>25ʔ</sup> (*hang*) <> talen<sup>25ʔ</sup> (*con gián*) <> tale:<sup>ŋ</sup><sup>25ʔ</sup> (*rit răng*) <> talen<sup>25ʔ</sup> (*đuốc*) <> tale:<sup>ŋ</sup><sup>25ʔ</sup> (*đút thức ăn*) <> taluŋ<sup>25ʔ</sup> (*hố đất*) <> talu:<sup>ŋ</sup><sup>25ʔ</sup> (*gi*) <> talɤŋ<sup>25ʔ</sup> (*lời ruột*) <> talɤ:<sup>ŋ</sup><sup>25ʔ</sup> (*phấn khởi*) <> talaŋ<sup>25ʔ</sup> (*nhắc*) <> tala:<sup>ŋ</sup><sup>25ʔ</sup> (*nói mê*) <> taluŋ<sup>25ʔ</sup> (*quả*) <> talu:<sup>ŋ</sup><sup>25ʔ</sup> (*nững nịu*) <> taloŋ<sup>25ʔ</sup> (*quang đãng*) <> talo:<sup>ŋ</sup><sup>25ʔ</sup> (*ráy tai*) <> talɔŋ<sup>25ʔ</sup> (*bắt lửa*) <> talɔ:<sup>ŋ</sup><sup>25ʔ</sup> (*ngắt*),...

Sau đây là bảng kê các nguyên âm đơn Kri Phoọng: có 18 đơn vị.

Bảng 2. Hệ thống nguyên âm đơn Kri Phoọng

Hàng \ Độ mở	Trước	Giữa	Sau
Hẹp	i/i:	u/u:	u/u:
Trung bình	e/e:	ɤ/ɤ:	o/o:
Rộng	ɛ/ɛ:	a/a:	ɔ/ɔ:

**Các nguyên âm đôi:** có 3 đơn vị. Trong tiếng Kri Phoọng, sự chuyển dịch có xu hướng đi về phía yếu tố trung tính (dòng giữa, độ mở trung bình), là /ɤ:/; /iɤ; uɤ; uɤ/. Ví dụ: /viɤŋ<sup>25ʔ</sup>/ (*bụi*); /piɤŋ<sup>25ʔ</sup>/ (*thay*); /ɤuɤŋ<sup>44</sup>/ (*son dương*); /dɤuɤ:<sup>25ʔ</sup>/ (*sung*); /k<sup>h</sup>uɤŋ<sup>25ʔ</sup>/ (*ném đi*),...

Một số đối lập âm vị học:

/ʔuɤk<sup>35</sup>/ (*mặn*) <> /ʔuɤk<sup>35</sup>/ (*báo*)

/ʔuɤk<sup>35</sup>/ (*chảy*) <> /ʔuɤk<sup>35</sup>/ (*dệt vải*)

/puɤk<sup>35</sup>/ (*ghen lỏng lộn*) <> /puɤk<sup>35</sup>/ (*nổi*)

#### 4.2.2.2. Âm cuối

Đảm nhận chức năng âm cuối (trong phần vần) của âm tiết chính là các phụ âm cuối đơn và phụ âm cuối kép. Ví dụ:

/p/: /pop<sup>35</sup>/ (*má*); /kɤup<sup>35</sup> muj<sup>44</sup>/ (*lỗ mũi*); /kɤup<sup>35</sup>/ (*lỗ*),...

/t/: /kadɔt<sup>13</sup>/ (*gáy*); /karɔt<sup>35</sup>/ (*da*); /pasit<sup>35</sup>/ (*trung tiện*),...

/c/: /ɤɔc<sup>35</sup>/ (*bụng*); /ʔɤc<sup>35</sup> te:<sup>25ʔ</sup>/ (*đi đái*); /loc<sup>35</sup>/ (*dương vật*),...

/k/: /palɔk<sup>13</sup>/ (tóc bạc); /kadʉuk<sup>13</sup>/ (vòm miệng); /kavɔk<sup>35</sup>/ (khoeo chân),...  
 /m/: /lɔm<sup>44</sup>/ (gan); /mam<sup>25ʔ</sup>/ (lá lách); /num<sup>25ʔ</sup>/ (trẻ),...  
 /n/: /kalon<sup>25ʔ</sup>/ (đít); /kɛ<sup>44</sup> kanɔn<sup>25ʔ</sup>/ (để non); /kara<sup>25ʔ</sup> hen<sup>44</sup>/ (già yếu),...  
 /ɲ/: /pasuɲ<sup>25ʔ</sup>/ (rón); /carɲɲ<sup>25ʔ</sup>/ (sườn); /kapɲɲ<sup>25ʔ</sup>/ (mê sáng),...  
 /ŋ/: /kaluŋ<sup>25ʔ</sup>/ (béo); /tuŋ<sup>25ʔ</sup>/ (điếc); /paluŋ<sup>44</sup>/ (mũ); /kuteŋ<sup>25ʔ</sup>/ (nhọt),...  
 /w/: /ki<sup>52ʔ</sup> saw<sup>44</sup>/ (lớn lên); /kaɲaw<sup>25ʔ</sup>/ (nhăn) ...  
 /l/: /tapel<sup>44</sup>/ (đùi); /kil<sup>44</sup>/ (eo); /savi<sup>25ʔ</sup>/ (khoáy),...  
 /j/: /mu<sup>j</sup><sup>44</sup>/ (mũi); /pu<sup>j</sup><sup>25ʔ</sup>/ (thân thể),...  
 /h/: /soh<sup>44</sup>/ (phối); /sakeh<sup>44</sup>/ (mệt mỏi); /ɲɲ<sup>44</sup> paceh<sup>44</sup>/ (vết nẻ),...  
 /r/: /jor<sup>52ʔ</sup>/ (lùn); /kur<sup>44</sup> kaw<sup>25ʔ</sup>/ (lợn đực),...

Sau đây là bảng kê các âm cuối đơn tiếng Kri Phoọng: có 13 đơn vị.

Bảng 3. Hệ thống âm cuối đơn tiếng Kri Phoọng

Vị trí cấu âm		Môi	Lợi	Ngạc	Mạc	Họng
Tắc	Vô thanh	<b>p</b>	<b>t</b>	<b>c</b>	<b>k</b>	
	Hữu thanh	<b>m</b>	<b>n</b>	<b>ɲ</b>	<b>ŋ</b>	
Xát		<b>w</b>	<b>l</b>	<b>J</b>		<b>h</b>
Rung			<b>r</b>			

Tổ hợp phụ âm cuối trong tiếng Kri Phoọng: có 1 đơn vị là **/jh/**. Ví dụ: /kik<sup>35</sup> marɔjh<sup>44</sup>/ (nốt ruồi),...

Một số đối lập âm vị học:

/ɖap<sup>35</sup>/ (cầm) >> /ɖat<sup>35</sup>/ (hòn) >> /ɖac<sup>35</sup>/ (ném) >> /ɖak<sup>35</sup>/ (dưới).

/ɖam<sup>35</sup>/ (cua) >> /ɖan<sup>35</sup>/ (nghìn) >> /ɖap<sup>35</sup>/ (ong) >> /ɖaɲ<sup>35</sup>/ (cà) >> /ɖaw<sup>35</sup>/ (em rẻ) >> /ɖal<sup>35</sup>/ (trước) >> /ɖaj<sup>35</sup>/ (anh) >> /ɖah<sup>35</sup>/ (tôm) >> /ɖar<sup>35</sup>/ (chạy),...

## 5. Thảo luận

### 5.1. “Tiền âm tiết - âm tiết phụ” trong từ âm vị học tiếng Kri Phoọng là gì?

Trước hết, hiện nay âm tiết phụ (tiền âm tiết) không mang gánh nặng ngữ nghĩa chính trong từ (nên nó mới tùy tiện), dù trước đây nó tồn tại chắc hẳn có lí do.

Có thể quan niệm âm tiết phụ chỉ là thành tố mở rộng của âm đầu trong âm tiết chính. Trên thực tế, quan niệm như vậy không giúp gì cho việc miêu tả từ âm vị học, trái lại làm cho “thành phần âm đầu” này trong tiếng Kri Phoọng được hình dung rất phức tạp và có thể rất nhiều loại.

Bởi vậy nên quan niệm giản đơn là xem âm tiết phụ (tiền âm tiết) trong tiếng Kri Phoọng là loại âm tiết “mờ” không có thanh điệu (phát âm không có sự khác biệt về âm vực và đường nét, chất giọng, hay nói cách khác là chỉ bằng một “giọng”) và trường độ ngắn; kí sinh, bên cạnh âm tiết chính là thành phần mang thanh điệu và có trường độ dài. Gọi nó là “tiền âm tiết”, “âm tiết phụ”, “âm tiết yếu”, “âm tiết mờ”,... đều đúng. Ở trạng thái hiện nay của tiếng Kri Phoọng, âm tiết phụ (tiền âm tiết) là dấu vết của hệ hình thái học cổ xưa, đã và đang bị roi rụng và thất lạc trong quá trình đơn âm tiết hoá. Đây là hiện tượng thường gặp trong các ngôn ngữ Nam Á thuộc loại hình đơn lập ở Việt Nam.

### 5.2. Các yếu tố thứ hai /l, r, w/ trong phụ âm đầu “kép” là gì, tại sao chúng ở vị trí này?

Trước hết, cần thấy rằng các yếu tố /l, r/ nói trên vốn là các âm có độ vang rất lớn (tỉ lệ tính thanh cao trong tương quan với tiếng ồn). Điều đó về âm học khiến /l, r/ rất gần với /w/ và cả /i/.

Có thể nghĩ rằng /w/vốn có tiền thân là nguyên âm /u/ (Trong hệ thống ngữ âm, âm /u/và âm /i/có độ mở hẹp đến mức cực đoan, thuộc nhóm những nguyên âm có tính thanh ít nhất trong số các ngữ âm. Khi phát âm, độ nâng của lưỡi cao nhất và khi phát âm, với nguyên âm *i*, phần giữa của lưỡi nâng lên sát phía ngạc cứng; với nguyên âm *u*, hai môi chúm tròn lại. Chính đặc trưng này là cơ sở cho những tạp âm phát sinh, làm thay đổi tính toàn thanh vốn có của các âm này. Cũng vậy, *i*, *u* khi đứng trước và sau một yếu tố vang hơn - ở thành phần âm cuối, sẽ mang đặc tính “bán nguyên âm”). Tóm lại, về mặt âm học, /l, r, w/ở trường hợp đang nói đến đều rất gần với nguyên âm; giống như sự “chuyển tiếp” hay “bước đệm” từ phụ âm đầu đến với âm chính).

Hệ quả của logic trên là có thể có những giải pháp âm vị học cho yếu tố /w/ (và cả /l, r/) này.

*Giải pháp 1:* Xem /w/như tính tròn môi của phụ âm đầu (và /l, r/là tính “bên”, tính “rung” của phụ âm đầu); *Giải pháp 2:* Xem /w/ (và /l, r/) như những âm vị độc lập. Theo đó, các yếu tố này được xem có tư cách như một thành phần độc lập trong âm tiết; *Giải pháp 3:* Xem /w/như thành tố của nguyên âm đôi; *Giải pháp 4:* Xem /w/ (và /l, r/là thành tố của tổ hợp phụ âm...

Cũng như vậy, rõ ràng gọi các kết hợp có /l, r, w/ (/pl, tl, kl, br, pr, ml, p<sup>h</sup>l, kr, k<sup>h</sup>l, p<sup>h</sup>r, kw, tw, ŋw,.../là “phụ âm đầu kép” hay “tổ hợp phụ âm”, hoặc coi chúng là những nét ngữ âm học của phụ âm trước nó (nét “bên”, “rung” và “tròn môi”), cũng có thể coi chúng là thành tố của tổ hợp nguyên âm,... đều phản ánh đúng hiện thực ngữ âm học.

Giải pháp coi /l, r, w/như thành tố của tổ hợp phụ âm có thể dễ chấp nhận. Giải pháp này có những ưu điểm: mang lại nhất quán khi xử lí: *l* và *r* cũng được coi là một âm tố trong tổ hợp phụ âm, làm cho cấu trúc âm tiết đơn giản hơn với chỉ 3 vị trí.

Những cách kết hợp các âm tố và quá trình “giải thể” các kết hợp này hiện tượng thường gặp trong các ngôn ngữ Nam Á thuộc loại hình đơn lập ở Việt Nam, trong quá trình đơn tiết hoá và nảy sinh thanh điệu.

### 5.3. Các “nguyên âm đôi”: đơn âm vị tính hay đa âm vị tính?

Trong tiếng Kri Phoong có các chiết đoạn /ix, ux, usx/. Giải pháp âm vị học đối với chúng có thể theo hai hướng: 1, đơn âm vị; 2, đa âm vị.

*Giải pháp 1:* Nhóm tổ hợp /ix,ux,usx/mang tính chất đơn âm vị. Ưu điểm lớn nhất của giải pháp này làm cấu trúc âm tiết được miêu tả đơn giản hơn. Nhược điểm là làm số lượng âm vị tăng lên 3.

*Giải pháp 2:* Nhóm tổ hợp /ix, ux, usx/mang tính chất đa âm vị. Ưu điểm của giải pháp này làm số lượng âm vị ít hơn. Nhược điểm là làm cấu trúc âm tiết trở nên phức tạp hơn vì lúc này cấu trúc từ âm vị học tiếng Kri Phoong sẽ có tổ hợp nguyên âm VV ở âm tiết chính thay vì V.

Như vậy, mỗi giải pháp đều có những ưu và nhược điểm nhất định.

Bài viết nghiêng về giải pháp 1. Lí do: Việc ủng hộ giải pháp này sẽ giúp hình dung cấu trúc âm tiết đơn giản lược; có thể tìm ra tính quy luật của kết hợp này: yếu tố thứ nhất /i, u, w/có độ mở hẹp nhất, sự kết hợp có tính hướng tâm, lướt từ vị trí cấu âm hẹp nhất tới vị trí của một âm trung hoà /x/.

### 5.4. Vai trò của âm cuối /ʔ/:

Có hai giải pháp âm vị học cho âm cuối /ʔ/:

Giải pháp 1: Xem đây như là một thuộc tính của thanh điệu;

Giải pháp 2: Xem /ʔ/như một phụ âm cuối, không phải thuộc tính của thanh điệu.

Giải pháp thứ 2 tuy có ưu điểm làm giảm số lượng thanh điệu nhưng lại làm cho hệ thống âm cuối tăng đột ngột, với các tổ hợp phụ âm /mʔ, nʔ, ŋʔ, wʔ, jʔ, hʔ, rʔ/. Một hệ thống âm cuối phức tạp như vậy là điều khó chấp nhận. Vì vậy, giải pháp thứ hai này khó được lựa chọn.

Bài viết lựa chọn giải pháp âm vị học đưa /ʔ/ là một thuộc tính của thanh điệu. Như vậy số lượng thanh điệu sẽ tăng lên, nhưng bù lại hệ thống âm cuối trở nên đơn giản hơn.

## 6. Kết luận

Qua miêu tả hệ thống ngữ âm tiếng Kri Phoọng ở Việt Nam, bước đầu có thể có một số nhận xét khái quát như sau:

Trong xu thế biến chuyển của các ngôn ngữ khu vực Đông Nam Á cũng như các ngôn ngữ Vietic, tiếng Kri Phoọng có cơ cấu ngữ âm tương đối cổ. Trong ngôn ngữ này, còn tồn tại tiền âm tiết, các tổ hợp phụ âm, các âm cuối không thể bỏ qua giai đoạn “lùi” trong cấu âm /r, l, h/ (và cả tổ hợp /jh/) hệ thống thanh điệu còn khá giản đơn,... Nói chung, về mặt ngữ âm, tiếng Kri Phoọng mang những đặc tính đứng giữa loại hình “cổ” và “trung” trong loại hình các ngôn ngữ đơn lập. Ngôn ngữ này gần với các ngôn ngữ Chứt hơn là với Mường và Việt.

Cũng như nhiều ngôn ngữ ở Việt Nam nói chung, các ngôn ngữ thuộc nhánh Vietic nói riêng, tiếng Kri Phoọng (với số dân rất ít và cư trú tản mạn, tiếng mẹ đẻ có phạm vi sử dụng hạn chế và hầu như không được truyền dạy) đang đứng trước nguy cơ tiêu vong rất lớn. Các kết quả nghiên cứu của bài viết được kì vọng góp phần vào việc bảo tồn ngôn ngữ này.

Với tiếng Kri Phoọng, vẫn còn cần được tiếp tục nghiên cứu: các hiện tượng từ vựng - ngữ nghĩa, các hiện tượng ngữ pháp, lịch sử ngôn ngữ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Nguyễn Hữu Hoàn; Phan Lương Hùng; Bùi Thị Ngọc Anh. *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Một số vấn đề về xác định thành phần, tên gọi và cách viết tên ngôn ngữ trong mối quan hệ với dân tộc*. Nxb Khoa học xã hội, 2022.
2. Nguyễn Văn Lợi. *Tiếng Rục*, NXB Khoa học xã hội. 1983.
3. Đoàn Văn Phúc. *Bước đầu khảo sát tiếng Khơ Phoọng ở Tây nam Nghệ Tĩnh để góp phần soi sáng vấn đề lịch sử tiếng Việt*. Khóa luận tốt nghiệp đại học, Đại học Tổng hợp Hà Nội, Khoa Ngôn ngữ. 1978.
4. Tạ Văn Thông; Tạ Quang Tùng. *Ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam*. NXB Đại học Thái Nguyên. 2017.

### Tiếng Anh

5. N.J. Enfield; Gerard Diffloth. *Introducing Kari, a Vietic language of Laos*. [Tài liệu chưa xuất bản]. 2007.
6. N.J. Enfield; Gerard Diffloth. *Phonology and sketch grammar of Kri, a Vietic language of Laos*. Cahiers de linguistique Asie orientale. 38.1. 2009.
7. Vũ Thị Hải Hà; Nguyễn Hữu Hoàn. *Kri Phoọng tonal system in Vietnam*. 1st Eurasian Congress of Linguists. 2024.
8. Kirill Babaev; Irina Samarina. *A Grammar of Mạ: An Austroasiatic Language of Vietnam*, Brill. 2021.
9. Tạ Thành Tấn. *The role of pitch in registrogenesis and tonogenesis of Vietic languages: new evidence from Rục and Arem*. SEALS. 2021.
10. Tạ Thành Tấn. *Perception of tone and register in Rục language*. LabPhon. 18. 2022.
11. Tạ Thành Tấn. *Register and tone developments in Vietic languages*. PhD, University of Ottawa. 2023.

### Tiếng Pháp

12. Michel Ferlus. *Le maleng brô et le vietnamien*. Mon - Khmer Studies. 1997.